

Phụ lục IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VINACEGLASS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/BC-CGV

Tp.HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO

Thường niên năm 2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Vinaceglass
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301446937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2006, cấp thay đổi lần thứ 11, ngày 21 tháng 06 năm 2024
- Vốn điều lệ: 94.999.560.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 94.999.560.000 VNĐ
- Địa chỉ: 96 đường 15, khu phố 5, phường An phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: 028.7108639
- Số fax:
- Website: www.vinaceglass.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): CGV
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).
 - 1993: Công ty Xuất Nhập Khẩu Sành sứ Thủy tinh Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 871/CNN-TCCB ngày 14/08/1993 của Bộ Công nghiệp. Khi được thành lập nhiệm vụ của công ty là kinh doanh Xuất nhập khẩu chuyên ngành sành sứ thủy tinh và nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu khoa học vào cuộc sống.



- 1999: Công ty đã được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba.
- 2003 – 2004: Công ty Xuất Nhập Khẩu Sành sứ Thủy tinh Việt Nam được đổi tên thành Công ty Sành sứ Thủy tinh Việt Nam theo Quyết định số 563/QĐ-TCCB do Bộ Công nghiệp cấp ngày 01/04/2003. Công ty Sành sứ Thủy tinh Việt Nam chuyển thành Công ty TNHH Nhà nước MTV Sành sứ Thủy tinh Việt Nam theo Quyết định số 133/2004/QĐ-BCN ngày 16/11/2004.
- 2005: Công ty đã được Chủ tịch nước trao tặng giải thưởng cao quý của Nhà nước về Bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng lò bông gốm trong ngành gốm sứ, theo Quyết định số 972/2005/QĐ-CTN. Ngoài ra, Công ty cũng đã nhận được nhiều giải thưởng khác như: Giải thưởng Vifotech, Giải thưởng Sao vàng đất Việt.
- 2006: Công ty TNHH Nhà nước MTV Sành sứ Thủy tinh Việt Nam được cổ phần hóa theo Quyết định số 2944/QĐ-BCN ngày 24/10/2006 thành Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào ngày 26 tháng 12 năm 2006, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446937 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với số vốn điều lệ là 25.000.000.000 đồng.
- 2007: Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam tăng vốn điều lệ lên 35.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược và cán bộ chủ chốt. Cùng trong năm này, Công ty tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- 2011: Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam tăng vốn điều lệ lên 94.999.560 đồng thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- 2017: Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam chính thức giao dịch tại sàn Upcom vào ngày 21/06/2017.
- 2024: Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vinaceglass theo Quyết định số 01 ngày 16/11/2021.

- Các sự kiện khác:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: *(Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).*

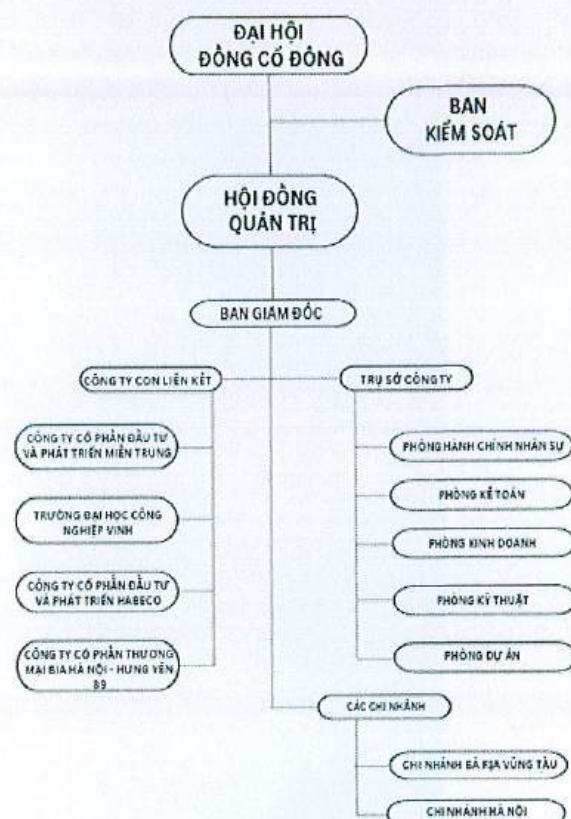
- Kinh doanh nguyên vật liệu gốm sứ, sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất lò luyện và lò nung
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng.
- Cơ khí
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác.

- Địa bàn kinh doanh: *(Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):* Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành trên toàn quốc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp): Công ty Cổ phần Vinaceglass hoạt động theo mô hình quản trị được xây dựng và tổ chức hoạt động theo điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020 gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý :



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.)

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung	Vinh, Nghệ An	Xây dựng, cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa, kinh doanh bất động sản, đào tạo sát hạch lái xe, vận tải hành khách	41.850 triệu đồng	44,78%
2	Trường Đại học Công nghiệp Vinh	Vinh, Nghệ An	Giảng dạy sinh viên bậc đại học	11.749 triệu đồng	8,42%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Habeco	Hà Nội		2.109 triệu đồng	

4	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	Huyện Văn Lâm, Hưng Yên	Sản xuất các sản phẩm bia hơi và bia tươi	12 tỷ đồng	20 %
---	---	-------------------------------	--	---------------	------

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- VINACEGLASS đang từng bước thực hiện mục tiêu trở thành một trong những công ty xây dựng Việt Nam được tôn trọng hàng đầu trong nước.
- Đạt được sự tín nhiệm của khách hàng và các đối tác kinh doanh trong nhiều lĩnh vực chính là nhân tố quan trọng góp phần vào sự thành công của VINACEGLASS.
- Không chỉ đem những điều tốt đẹp đến cho khách hàng, VINACEGLASS còn tạo ra nhiều cơ hội thành công cho đội ngũ nhân viên của mình. Mỗi nhân viên đều có thể tự hào khi làm việc tại VINACEGLASS.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Đem lại những giải pháp và dịch vụ xây dựng tốt nhất nhằm đáp những kỳ vọng của khách hàng, giúp khách hàng đạt được mục tiêu trong chiến lược kinh doanh lâu dài.
- Gia tăng doanh thu từ việc kinh doanh nguyên vật liệu và mở rộng thị trường trong nước.
- Tối đa hóa lợi nhuận thông qua việc sản xuất và đầu tư tài chính vào các công ty liên kết.
- Xây dựng thương hiệu Vinaceglass trở thành biểu tượng về công ty đa ngành nghề đạt được sự tín nhiệm của khách hàng và đối tác.
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng việc chú trọng xây dựng các chính sách thu hút dành cho người lao động, đào tạo nhân sự trẻ và nâng cao trình độ quản lý công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Môi trường: Giảm lượng rác thải, sử dụng vật liệu xanh và tận dụng các vật dụng tái chế.
- Xã hội và cộng đồng: Hỗ trợ các hoạt động trách nhiệm xã hội, tăng cường phúc lợi cho nhân viên, đầu tư vào giáo dục và ngành đào tạo tay nghề.
- Chương trình ngắn hạn và trung hạn: Tăng cường tái chế và sử dụng vật liệu xanh, tích cực tham gia các hoạt động xã hội như giáo dục và ngành đào tạo tay nghề.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...).

- Rủi ro thị trường: Ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của công ty
- Rủi ro lãi suất: Ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

- Rủi ro ngoại tệ: Ảnh hưởng đến chi phí nhập nguyên vật liệu
- Rủi ro tính dụng: Ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh
- Rủi ro thanh khoản: Ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh
- Rủi ro an toàn: An toàn lao động từ các công trình xây dựng, sản xuất.
- Rủi ro môi trường: Ô nhiễm từ các công trình xây dựng, sản xuất.
- Rủi ro thiên tai, dịch bệnh: Ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng công trình, sản xuất và chuỗi cung ứng.
- Rủi ro thay đổi chính sách: Biến động về thuế, luật, quy định về môi trường và lao động.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,...

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

	Chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023
1	Doanh thu bán hàng & CCDV	01	12.826.738	23.479.278
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng & CCDV	10	12.826.738	23.479.278
4	Giá vốn hàng bán	11	8.506.699	19.297.042
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng & CCDV	20	4.320.039	4.182.236
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.277.091	3.336.756
7	Chi phí tài chính	22	661.976	1.166.594
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	966.596	1.163.235
8	Chi phí bán hàng	25	194.736	164.129
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.051.976	5.408.305
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.688.442	779.964
11	Thu nhập khác	31	11.760	90.909
12	Chi phí khác	32	107	-
13	Lợi nhuận khác	40	11.653	90.909
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.700.095	870.873

15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	27.835
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	1.700.095	843.038
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	70	179 đồng	89 đồng

(Nguồn trích dẫn: Báo cáo tài chính năm 2024 của Vinaceglass JSC đã kiểm toán)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024 (1000 đồng)	Thực hiện năm 2024 (1000 đồng)	Tỉ lệ thực hiện
Tổng doanh thu	26.000.000	12.826.738	49%
Giá vốn bán hàng	18.700.000	8.506.699	45%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.200.000	3.277.091	273%
Chi phí tài chính	1.200.000	661.976	55%
Chi phí bán hàng	450.000	194.736	43%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.500.000	5.051.976	92%
Lợi nhuận từ thu nhập khác			
Lợi nhuận trước thuế	1.350.000	1.700.095	126%

Năm 2024, Công ty ghi nhận tổng doanh thu 12,83 tỷ đồng, đạt 49% kế hoạch và giảm mạnh so với năm 2023, do chưa có hợp đồng xây dựng mới đáng kể. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước, đạt 126% kế hoạch. Cụ thể:

- (1) Doanh thu tài chính đạt gần 3,28 tỷ đồng, cao hơn kế hoạch 1,2 tỷ đồng nhờ cổ tức ổn định từ các công ty liên kết.
- (2) Chi phí tài chính chỉ bằng 55% kế hoạch và giảm đáng kể so với năm 2023, trong đó có giảm chi phí lãi vay.
- (3) Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm nhẹ so với năm 2023, đạt 92% kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ	Tỷ lệ sở hữu
-----	------------	---------	-------------	--------------

			phiếu sở hữu	
1	Ông Phan Thanh Liêm	Tổng giám đốc	131.250	1.38%
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Phụng	Giám đốc điều hành	3.069	0.03%
3	Bà Đào Nguyễn Minh Chi	Kế toán trưởng	87	0.002%

Lý lịch Ban điều hành:

Ông Phan Thanh Liêm: Tổng giám đốc

- Sinh năm: 1986
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành thiết kế máy

Bà Nguyễn Thị Thanh Phụng: Giám đốc điều hành

- Sinh năm: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh Văn chuyên ngành Hành chính Văn phòng

Bà Đào Nguyễn Minh Chi: Kế toán trưởng

- Sinh năm: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

- Ông Phan Thanh Liêm - Tổng giám đốc: Bỏ nhiệm ngày 29/05/2024.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

STT	Tính chất phân loại	Năm 2024	
		Số lượng	Tỷ lệ
I	Theo trình độ		
1	Thạc sĩ	03	14%
2	Cử nhân	11	52%
3	Cao đẳng	02	10%
4	Khác	05	24%
II	Theo giới tính		
1	Nam	04	19%

2	Nữ	17	81%
III	Theo tính chất hợp đồng lao động		
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	03	14%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	18	86%
IV	Theo độ tuổi		
1	Dưới 30 tuổi	03	14%
2	Từ 30 - 40 tuổi	04	19%
3	Từ 40 – 50 tuổi	09	43%
4	Trên 50 tuổi	05	24%
Tổng cộng		21	100%

Chính sách nhân sự:

- Tuyển dụng: Chính sách tuyển dụng được thực hiện minh bạch, không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc hay xuất thân. Quá trình tuyển dụng bao gồm nhiều giai đoạn đánh giá năng lực, nhằm đảm bảo nhân viên có chuyên môn và phù hợp với văn hóa công ty. Mức lương và chế độ đãi ngộ cạnh tranh, đảm bảo quyền lợi cho tất cả nhân viên, đồng thời được xem xét và điều chỉnh định kỳ để phù hợp với sự phát triển của công ty và đóng góp của từng cá nhân.

- Môi trường làm việc: Vinaceglass tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp và tôn trọng sự đa dạng. Mọi nhân viên đều có cơ hội đóng góp và phát huy tối đa khả năng của mình. Vinaceglass khuyến khích làm việc nhóm, đổi mới sáng tạo và tạo cơ hội để mỗi cá nhân có thể thể hiện ý tưởng, sáng kiến. Văn phòng làm việc được trang bị đầy đủ tiện nghi, tạo điều kiện tốt nhất để nhân viên làm việc hiệu quả.

- Đào tạo: Vinaceglass coi trọng việc nâng cao kỹ năng và phát triển nghề nghiệp của nhân viên. Các chương trình đào tạo định kỳ, hội thảo chuyên môn và cơ hội thăng tiến được tổ chức nhằm giúp nhân viên nâng cao năng lực và đạt được mục tiêu nghề nghiệp. Ngoài ra, Vinaceglass khuyến khích nhân viên tham gia các khóa học bên ngoài, hỗ trợ chi phí đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Chính sách mentor (cố vấn) được áp dụng để hỗ trợ nhân viên mới nhanh chóng hòa nhập và phát triển.

- Văn hóa doanh nghiệp: Vinaceglass xây dựng một văn hóa doanh nghiệp tích cực, đề cao sự hợp tác, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm. Các hoạt động nội bộ như team building, giao lưu văn hóa và thể thao được tổ chức thường xuyên để kết nối nhân viên. Công ty cũng tạo điều kiện cho nhân viên tham gia vào các hoạt động cộng đồng, từ thiện, giúp nâng cao tinh thần trách nhiệm xã hội.

- Lương thưởng và phúc lợi:

- Lương thưởng cạnh tranh theo hiệu suất làm việc.
- Các khoản thưởng định kỳ, thưởng theo dự án và kết quả kinh doanh.

- Chế độ bảo hiểm đầy đủ theo quy định của pháp luật, bao gồm bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp.
- Các phúc lợi khác: du lịch hàng năm, khám sức khỏe định kỳ, quà tặng các dịp lễ, tết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024
1	Tổng doanh thu	64.486.995.313
2	Tổng chi phí	56.145.192.754
3	Lợi nhuận trước thuế	8.341.802.559

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung)

+ Các hoạt động quản lý và cho thuê tài sản ổn định như Bến xe, cho thuê kho hàng, cho thuê Nhà trẻ mẫu giáo và các tài sản khác mang lại dòng tiền đều đặn phục vụ nhu cầu kinh doanh.

+ Tiếp tục đầu tư mua sắm thêm phương tiện sát hạch, thiết bị, nâng cấp sửa chữa các công trình, hạng mục, văn phòng,... tuyển dụng thêm đội ngũ giáo viên để đảm bảo nâng cao sức cạnh tranh cho lĩnh vực đào tạo, sát hạch.

+ Công ty cân đối được dòng tiền để trả nợ vay, lãi vay Ngân hàng, các đối tác và đảm bảo chi phí cho các hoạt động kinh doanh được thuận lợi.

Trường Đại học Công nghiệp Vinh:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024
1	Tổng doanh thu	10.942.577.674
2	Tổng chi phí	13.135.752.553
3	Lợi nhuận trước thuế	(2.193.174.879)

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Trường Đại học Công nghiệp Vinh)

+ Tuyển sinh và đào tạo Đại học dài hạn của Nhà trường gặp khó khăn

+ Các lĩnh vực ngắn hạn như tuyển sinh chứng chỉ, hợp tác quốc tế, khai thác cơ sở vật chất mang lại doanh thu ổn định.

+ Các hoạt động quản lý và cho thuê tài sản, cơ sở vật chất ổn định mang lại dòng tiền đều đặn phục vụ nhu cầu kinh doanh của Trường.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	99.317.657	97.311.472	-2%
Doanh thu thuần	23.479.277	12.826.738	-83%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	779.963	1.688.442	54%
Lợi nhuận khác	90.909	11.653	-680%
Lợi nhuận trước thuế	870.872	1.700.095	49%
Lợi nhuận sau thuế	843.037	1.700.095	50%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.05	1.21	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0.72	0.82	
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.18	0.15	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.22	0.22	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	3.67	1.78	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản:	0.24	0.13	

Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.04	0.133	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.01	0.020	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.01	0.017	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.03	0.13	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 9.499.956

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.499.956

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 9.499.956

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0

Tổng số cổ phiếu quỹ: 0

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phần

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có

b) Cơ cấu cổ đông: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cơ cấu tỷ lệ sở hữu	9.499.956	94.999.560.000	100%
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết)	4.285.251	42.852.510.000	45.11%

2	Cổ đông nắm giữ dưới 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết)	5.214.705	52.147.050.000	54,89%
II	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
III	Cổ đông trong nước	9.486.446	94.864.460.000	99,8577888
1	Cá nhân	8.241.310	82.413.100.000	86,75%
2	Tổ chức	1.245.136	12.451.360.000	13,11%
IV	Cổ đông nước ngoài	13.510	135.100.000	0,14%
1	Cá nhân	13.510	135.100.000	0,14%
2	Tổ chức	0	0	0
Tổng cộng		9.499.956	94.999.560.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% (Vì cổ đông nước ngoài hiện hữu đã mua cổ phiếu của Công ty trước khi Công ty thực hiện hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa gửi UBCKNN).

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp).

Năm 2024, Vinaceglass không tăng vốn

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch

Không có giao dịch

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán).

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm kinh doanh nguyên vật liệu gốm sứ, sản phẩm chịu lửa, xây dựng, cơ khí và cho thuê kho bãi. Trong quá trình vận hành, công ty nhận thức rõ ràng các hoạt động này có thể tạo ra tác động nhất định đến môi trường. Do đó, công ty tích cực triển khai các sáng kiến giảm thiểu tác động, hướng tới phát triển bền vững.

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Phát thải khí nhà kính phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau trong hoạt động của công ty, có thể chia thành hai nhóm chính:

- Phát thải trực tiếp:
 - o Quá trình vận hành các phương tiện cơ giới, máy móc sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong hoạt động xây dựng, sản xuất cơ khí.
 - o Các thiết bị như lò nung, máy cắt, máy hàn, máy nén khí hoạt động trong lĩnh vực cơ khí và sản xuất gốm sứ tiêu thụ một lượng nhiên liệu đáng kể, tạo ra khí CO₂ và các khí thải khác.
 - o Xe tải, xe nâng và các phương tiện vận chuyển nội bộ cũng góp phần vào tổng lượng phát thải trực tiếp từ tiêu thụ xăng dầu.
- Phát thải gián tiếp:
 - o Điện năng tiêu thụ trong văn phòng, nhà xưởng, kho bãi do công ty mua từ lưới điện quốc gia, một phần được sản xuất từ các nhà máy nhiệt điện, dẫn đến phát thải gián tiếp.
 - o Chuỗi cung ứng và logistics: Việc nhập khẩu nguyên vật liệu từ nước ngoài, vận chuyển từ cảng đến kho bãi, từ kho đến khách hàng đều phát sinh khí thải do sử dụng phương tiện vận chuyển đường bộ, đường biển.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Với cam kết giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường, công ty đã triển khai nhiều sáng kiến nhằm giảm lượng khí nhà kính phát thải trong quá trình sản xuất, vận hành và kinh doanh. Một số biện pháp chính bao gồm:

- Sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và vận hành
 - o Ứng dụng các thiết bị, sản phẩm xanh giúp giảm tiêu thụ nhiên liệu và điện năng.
 - o Thay thế máy móc cũ bằng các dòng thiết bị tiết kiệm năng lượng, sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường hơn
- Cải thiện hiệu quả vận chuyển và logistics
 - o Tối ưu hóa lộ trình giao hàng, giảm quãng đường vận chuyển, từ đó giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ và khí thải.
 - o Khuyến khích hợp tác với các đối tác logistics có cam kết giảm phát thải carbon trong chuỗi cung ứng.
- Tối ưu hóa quản lý kho bãi và văn phòng để giảm phát thải
 - o Sử dụng hệ thống chiếu sáng LED tiết kiệm điện.
 - o Khuyến khích nhân viên sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm năng lượng, giảm tiêu thụ giấy và nhựa dùng một lần.
- Công ty tích cực tham gia trồng cây xanh tạo các khu vực xanh trong nhà kho, văn phòng, khu sản xuất để cải thiện chất lượng không khí và hấp thụ khí thải.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh đa dạng của công ty, quản lý nguồn nguyên vật liệu đóng vai trò then chốt không chỉ trong việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ mà còn là một yếu tố quan trọng góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu giúp Vinaceglass tối ưu hóa chi phí kinh doanh và tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững và thân thiện với môi trường.

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Trong suốt một năm hoạt động, công ty theo dõi về tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng. Các nguyên vật liệu này được sử dụng trong nhiều quy trình khác nhau:

- Sản xuất và gia công: Các dây chuyền sản xuất đòi hỏi một lượng lớn nguyên liệu thô, được chọn lọc kỹ càng về chất lượng nhằm đảm bảo độ bền, tính ổn định của sản phẩm. Các nhà máy, xưởng sản xuất luôn theo dõi nguyên liệu qua từng khâu khác nhau.
- Đóng gói và bảo quản: Không chỉ dừng lại ở sản xuất, công ty còn chú trọng đến khâu đóng gói, vận chuyển và lưu giữ hàng hóa. Các vật liệu đóng gói như bao bì giấy, hộp carton, và các loại vật liệu bảo vệ khác được sử dụng với mục đích bảo đảm sản phẩm đến tay khách hàng trong tình trạng hoàn hảo. Qua đó, việc theo dõi lượng nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình đóng gói giúp công ty đưa ra các giải pháp tối ưu, giảm thiểu lãng phí và tác động môi trường.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Hiện nay, nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất vẫn còn hạn chế.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng là yếu tố cốt lõi trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh và vận hành của công ty. Từ việc sử dụng nhiên liệu trong vận chuyển, tiêu thụ điện năng trong kho bãi và nhà máy, đến việc vận hành các thiết bị cơ khí trong quá trình sản xuất, tất cả đều có sự ảnh hưởng đáng kể đến mức tiêu thụ năng lượng tổng thể. Nhận thức được điều này, công ty không chỉ theo dõi lượng tiêu thụ năng lượng mà còn chủ động triển khai các sáng kiến nhằm tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu suất sử dụng, hướng tới mô hình phát triển bền vững.

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp bao gồm nhiên liệu hóa thạch được sử dụng trong các phương tiện, máy móc và thiết bị phục vụ sản xuất:

- o Nhiên liệu cho phương tiện vận tải: Xe tải, xe nâng, xe chuyên dụng được sử dụng trong hoạt động vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu và phục vụ công tác xây dựng tiêu thụ một lượng lớn xăng dầu.
- o Nhiên liệu cho máy móc sản xuất và cơ khí: Các dây chuyền sản xuất gốm sứ, thiết bị gia công cơ khí, máy móc xây dựng sử dụng nhiên liệu hóa thạch (than, dầu diesel, khí đốt) để vận hành, tạo ra tác động đáng kể đến tổng mức tiêu thụ năng lượng.

- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp:

- o Điện năng sử dụng trong kho bãi và văn phòng: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, thiết bị văn phòng đều sử dụng nguồn điện từ lưới điện quốc gia, đây là một dạng năng lượng tiêu thụ gián tiếp.
- o Hệ thống lưu trữ và bảo quản hàng hóa: Một số mặt hàng đòi hỏi hệ thống làm mát, điều hòa nhiệt độ để bảo quản, khiến mức tiêu thụ điện năng tăng lên.
- o Tiêu thụ năng lượng trong chuỗi cung ứng: Việc vận chuyển nguyên vật liệu từ nhà cung cấp, từ cảng đến kho, hoặc từ kho đến khách hàng cũng tiêu tốn một lượng năng lượng đáng kể, dù phần lớn không trực tiếp thuộc phạm vi vận hành của công ty.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Với mục tiêu giảm thiểu tiêu thụ năng lượng mà vẫn đảm bảo hiệu suất hoạt động, công ty đã triển khai nhiều sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. Một số biện pháp chính bao gồm:

- Cải tiến và nâng cấp hệ thống máy móc, thiết bị: Thay thế các loại máy móc cũ tiêu thụ nhiều năng lượng bằng các dòng máy hiện đại, có hiệu suất cao và tiêu thụ ít nhiên liệu hơn.
- Tối ưu hóa hệ thống vận hành trong kho bãi và văn phòng: Áp dụng hệ thống chiếu sáng thông minh, sử dụng đèn LED tiết kiệm điện, cảm biến ánh sáng để tự động tắt/mở đèn khi không cần thiết.
- Cải thiện hiệu quả vận tải và logistics: Tối ưu hóa tuyến đường, giảm quãng đường di chuyển không cần thiết, từ đó giảm tiêu hao nhiên liệu.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

- Cải tiến và nâng cấp hệ thống máy móc, thiết bị: tiết kiệm được năng lượng tiêu thụ
- Tối ưu hóa hệ thống vận hành trong kho bãi và văn phòng: tiết kiệm được năng lượng tiêu thụ
- Cải thiện hiệu quả vận tải và logistics: giảm tiêu hao nhiên liệu

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Nước là một nguồn tài nguyên quan trọng đối với các hoạt động sản xuất và vận hành của công ty. Nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng nước một cách bền vững, công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ mức tiêu thụ nước, nâng cao hiệu quả sử dụng, đồng thời tìm kiếm các giải pháp tái chế và tái sử dụng nước nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Công ty sử dụng nguồn nước từ nhiều kênh khác nhau, bao gồm:
 - o Nguồn nước từ hệ thống cấp nước đô thị: Đây là nguồn cung cấp chính cho các hoạt động tại văn phòng, kho bãi và một số nhà máy sản xuất. Nước từ hệ thống này chủ yếu được sử dụng cho mục đích sinh hoạt, vệ sinh, làm mát thiết bị và phục vụ một số quy trình sản xuất.

- o Nước mưa được thu gom và sử dụng: Một số cơ sở của công ty đã triển khai hệ thống thu gom nước mưa để sử dụng cho các mục đích như tưới cây, vệ sinh sân bãi và làm mát môi trường xung quanh. Điều này giúp giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn nước sạch từ hệ thống cấp nước đô thị.

Tổng lượng nước sử dụng trong năm:

- Trong năm qua, tổng lượng nước tiêu thụ của công ty được ghi nhận và phân tích để có biện pháp kiểm soát phù hợp. Lượng nước sử dụng được phân bổ vào các hoạt động chính như sau:
 - o Hoạt động kho bãi và logistics: Nước được sử dụng để vệ sinh kho bãi, bảo dưỡng xe vận chuyển và phục vụ các nhu cầu khác liên quan đến hoạt động hậu cần.
 - o Hoạt động sản xuất và xây dựng: Lượng nước tiêu thụ được dùng để làm mát thiết bị, pha trộn nguyên vật liệu, bảo trì và xử lý khí thải, bụi.
 - o Hoạt động văn phòng và sinh hoạt của nhân viên: Mặc dù chiếm tỷ lệ nhỏ hơn so với các lĩnh vực khác, nhưng công ty vẫn chú trọng quản lý lượng nước sử dụng tại các văn phòng làm việc nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm nước trong nội bộ.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Hiện nay, tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng vẫn còn hạn chế.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Công ty có tổng số lao động là 21 người trong đó không bao gồm Ban Kiểm soát. Lực lượng lao động này đóng vai trò quan trọng trong việc vận hành và phát triển các lĩnh vực kinh doanh của công ty. Mức lương trung bình của người lao động tại công ty là 12.077.875,51 đồng được duy trì ở mức cạnh tranh so với thị trường, đảm bảo thu nhập ổn định và tương xứng với trình độ, kỹ năng cũng như đóng góp của họ đối với tổ chức. Ngoài lương cơ bản, công ty còn áp dụng các chính sách thưởng, phúc lợi và hỗ trợ tài chính nhằm khuyến khích năng suất làm việc và động viên nhân viên.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty cam kết xây dựng một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh cho tất cả nhân viên thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn cao về an toàn lao động. Các chính sách và biện pháp đã được triển khai bao gồm:

- o Cung cấp trang thiết bị bảo hộ lao động đạt chuẩn cho nhân viên làm việc trong môi trường nguy hiểm.
- o Định kỳ tổ chức kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn lao động.
- o Đào tạo an toàn lao động và ứng phó tình huống khẩn cấp cho tất cả nhân viên.

- o Thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe, kiểm tra y tế định kỳ và hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người lao động.
- o Cung cấp chế độ nghỉ dưỡng, bảo hiểm tai nạn và các chính sách hỗ trợ tài chính cho nhân viên gặp khó khăn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Công ty xác định đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi giúp nâng cao năng suất lao động và khả năng cạnh tranh. Trong năm vừa qua, công ty đã tổ chức tổng cộng 24 giờ đào tạo,

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập:

- Chương trình đào tạo kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm và quản lý thời gian.
- Các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dành cho nhân viên tiềm năng để phát triển đội ngũ lãnh đạo trong tương lai.
- Hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa học bên ngoài và cung cấp học bổng cho các chương trình đào tạo nâng cao.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Công ty cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương thông qua nhiều hoạt động đầu tư và phát triển bền vững. Trong năm qua, công ty đã triển khai các chương trình sau:

- Đầu tư vào giáo dục và đào tạo: Công ty đầu tư vào Trường Đại học Công nghiệp Vinh ở tỉnh Nghệ An để chung tay phát triển nền giáo dục Việt Nam.
- Hỗ trợ tài chính và cứu trợ khẩn cấp: Đóng góp tài chính và hiện vật hỗ trợ các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh và khó khăn kinh tế.

Những hoạt động này thể hiện cam kết của công ty trong việc đồng hành cùng cộng đồng địa phương, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Công ty đang tích cực nghiên cứu thị trường vốn xanh. Mặc dù hiện nay công ty chưa triển khai các hoạt động cụ thể về lĩnh vực này, nhưng Công ty luôn quan tâm theo dõi và cập nhật các thông tin cũng như các hướng dẫn từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty sẽ chủ động thực hiện các bước cần thiết để tham gia vào thị trường vốn xanh khi có hướng dẫn từ cơ quan quản lý.

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỉ lệ thực hiện 2024
Tổng doanh thu	26.000.000	12.826.738	49%
Giá vốn bán hàng	18.700.000	8.506.699	45%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.200.000	3.277.091	273%
Chi phí tài chính	1.200.000	661.976	55%
Chi phí bán hàng	450.000	194.736	43%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.500.000	5.051.976	92%
Lợi nhuận khác	0	11.653	
Lợi nhuận trước thuế	1.350.000	1.700.095	126%

Năm 2024 là một năm đầy khó khăn đối với Vinaceglass khi hoạt động kinh doanh bị tác động tiêu cực từ bên trong lẫn bên ngoài. Do đó, kết quả kinh doanh của Vinaceglass không quá khả quan và không đạt được kế hoạch đã đề ra. Nguyên nhân chủ yếu đến từ:

- Thị trường bất động sản trầm lắng dẫn đến nhu cầu xây dựng bị sụt giảm trầm trọng. Năm 2024, Vinaceglass chưa có hợp đồng xây dựng nào mới đáng kể dẫn đến tình hình doanh thu giảm sút. Do vậy, công ty chưa đạt doanh thu đề ra.

Doanh thu năm 2024 của Vinaceglass chủ yếu từ hoạt động cho thuê nhà xưởng, kinh doanh hóa chất và cổ tức thu về từ các khoản đầu tư ra ngoài.

- Việc cho thuê kho xưởng đã đưa về cho công ty doanh thu cố định rất tốt.
- Việc kinh doanh hóa chất đã phát triển thêm 2 khách hàng thường xuyên. Tại phía nam, công ty cũng có các đầu mối tại Đồng Nai và Bình Dương.
- Việc đầu tư vào các công ty liên kết đã đem về cho công ty các khoản cổ tức tốt và ổn định.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

- Vinaceglass đã có thêm 2 khách hàng thường xuyên trong hoạt động kinh doanh hóa chất.

- Cuối năm 2024, Vinaceglass đã trúng thầu xây dựng được khởi công vào năm 2025.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024
1	Tài sản ngắn hạn	14.723.130.829	16.686.815.137
2	Tài sản dài hạn	82.588.341.949	82.630.842.054
3	Tổng tài sản	97.311.472.778	99.317.657.191

- Tổng tài sản giảm từ 99.317.657.191 xuống 97.311.472.778, tức giảm 2.006.184.413 ($\approx -2,02\%$) chủ yếu do tài sản ngắn hạn giảm mạnh ($-11,77\%$), trong khi tài sản dài hạn gần như không thay đổi đáng kể.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	01/01/2024
1	Nợ ngắn hạn	12.149.742.280	15.818.039.513
2	Nợ dài hạn	2.091.722.236	2.129.704.236
3	Tổng nợ phải trả	14.241.464.516	17.947.743.749

- Tổng nợ phải trả giảm từ 17.947.743.749 xuống 14.241.464.516, tức giảm 3.706.279.233 ($\approx -20,66\%$), chủ yếu do giảm nợ ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Năm 2024, công ty tiếp tục đẩy mạnh tái cấu trúc tổ chức, tinh gọn bộ máy và tối ưu hóa quy trình sản xuất – kinh doanh. Việc rà soát, sắp xếp lại quy trình làm việc, tái phân bổ nhân sự, cắt giảm các cấp trung gian và rút ngắn thời gian ra quyết định đã được triển khai đồng bộ, mang lại những kết quả rõ nét. Nhờ đó, tinh thần chủ động, sáng tạo và dám nghĩ, dám làm của từng cá nhân được phát huy mạnh mẽ; tổ chức vận hành linh hoạt, phản ứng nhanh trước những biến động của thị trường. Đồng thời, công ty cũng loại bỏ các quy trình dư thừa, tập trung nguồn lực vào các nhiệm vụ cốt lõi, qua đó nâng cao hiệu suất làm việc và củng cố năng lực cạnh tranh tổng thể.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
----------	----------------	---------------

Tổng doanh thu	12.826.738	50.000.000
Giá vốn bán hàng	8.506.699	42.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính	3.277.091	3.000.000
Chi phí tài chính	661.976	1.200.000
Chi phí bán hàng	194.736	300.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.051.976	6.000.000
Lợi nhuận khác	11.653	0
Lợi nhuận trước thuế	1.700.095	3.500.000

Trong năm 2025, Vinaceglass tiếp tục tập trung vào các ngành nghề buôn bán nguyên vật liệu, hoạt động cho thuê kho bãi, xây dựng dân dụng, công nghiệp. Bên cạnh đó, công ty phát huy hết các nguồn lực đến từ công ty con, liên kết để tối ưu hóa cổ tức thu về công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Tiêu thụ nước:

Vinaceglass nhận thức được tầm quan trọng của nước đối với hoạt động và sản xuất của mỗi doanh nghiệp. Để không lãng phí nguồn nước cũng như sử dụng nước một cách hợp lý, Ban Lãnh đạo đã triển khai các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức cho người lao động tại Công ty. Các hoạt động này bao gồm tổ chức các buổi sinh hoạt tập trung để tuyên truyền và củng cố ý thức tiết kiệm nước đến nhân viên. Ngoài ra, công ty còn thường xuyên kiểm tra các đường ống dẫn nước để phòng ngừa rò rỉ và thất thoát nước.

Tiêu thụ năng lượng:

Vinaceglass luôn đặt lên hàng đầu việc sử dụng năng lượng hiệu quả và tối ưu hóa tài nguyên. Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về tiêu thụ và tiết kiệm năng lượng điện trong hoạt động kinh doanh. Các biện pháp tiết kiệm năng lượng được áp dụng để hạn chế tối đa sử dụng điện khi không cần thiết.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Vinaceglass luôn đặt con người vào vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững của mình. Công ty triển khai các chính sách nhân sự tiên tiến nhằm thu hút và giữ chân nhân tài, đảm bảo sự đồng hành lâu dài. Quy trình tuyển dụng được thực hiện chặt chẽ, không chỉ đánh giá năng lực mà còn chú trọng tiềm năng phát triển của ứng viên.

Bên cạnh đó, Vinaceglass đầu tư mạnh mẽ vào đào tạo bài bản, chuyên sâu, gắn liền với nhu cầu thực tế. Hệ thống lương thưởng cạnh tranh, công bằng, dựa trên năng lực và hiệu quả công việc, cùng chế độ phúc lợi đa dạng, thiết thực, giúp nâng cao đời sống và bảo vệ quyền lợi nhân viên.

Công ty cũng chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, đề cao tinh thần đoàn kết và hợp tác. Văn hóa giao tiếp cởi mở được khuyến khích, tạo điều kiện để nhân viên chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm. Với triết lý “Con người là nền tảng của sự thành công”, Vinaceglass không ngừng đầu tư vào việc kiến tạo môi trường làm việc lý tưởng, giúp mỗi cá nhân phát huy tối đa tiềm năng và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Vinaceglass ý thức sâu sắc rằng sự phát triển của công ty gắn liền với nền tảng vững chắc từ cộng đồng địa phương. Chính vì vậy, công ty tích cực tham gia các hoạt động hướng về địa phương, góp phần xây dựng một tương lai tốt đẹp cho cộng đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2024 tiếp tục là năm mà Vinaceglass gặp khó khăn:

- Công ty đã nhận được nhiều lời mời tham dự nhiều dự án xây dựng nhưng sau khi Chủ tịch Hội đồng quản trị kiểm tra tính thanh khoản và tính tín dụng của các dự án nên đã từ chối. Do đó, dẫn đến tình trạng giảm sút doanh thu công ty.
- Hoạt động kinh doanh nguyên vật liệu vẫn chưa tăng lợi nhuận đáng kể mặc dù trong năm nay có thêm 2 khách hàng thường xuyên.

Về mặt tích cực:

- Vinaceglass trúng thầu xây dựng vào cuối năm 2024 và sẽ khởi công đầu năm 2025.
- Các khoản đầu tư ra ngoài vào các công ty liên kết mang lại cổ tức tốt cho Vinaceglass.
- Hoạt động cho thuê kho bãi đã mang về doanh thu ổn định cho công ty.

Trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Vinaceglass đã nỗ lực thực hiện tốt các trách nhiệm môi trường và xã hội như thực hiện các sáng kiến bảo vệ môi trường, đầu tư vào ngành giáo dục cũng như quyên góp từ thiện khi bão lũ.
- Công ty sẽ tiếp tục duy trì thực hiện tốt các trách nhiệm môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2024, Ban Giám đốc công ty đã cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ được giao bởi Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị đánh giá cao những nỗ lực và quyết tâm cùng những giải pháp nhanh chóng, kịp thời của Ban Giám đốc công ty vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong nền kinh tế toàn cầu sụt giảm nghiêm trọng. Đồng thời, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế, quy định trong hoạt động điều hành, phân cấp quản trị theo Điều lệ, các Quyết định của HĐQT cũng như của Pháp luật ban hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đẩy mạnh lĩnh vực xây dựng, với điểm sáng là kết quả trúng thầu vào cuối năm 2024 và sẽ khởi công đầu năm 2025. Trong đó, công ty nhận thêm nhiều lời mời hợp tác của các đối tác nước ngoài.

Vinaceglass sẽ cố gắng tham dự dự án đầu tư công. Trước mắt, Công ty đang tích cực bổ sung đầy đủ các hồ sơ năng lực như chứng chỉ, nhân sự, ...

Duy trì và thúc đẩy hiệu quả hoạt động ở các ngành nghề: kinh doanh nguyên vật liệu và cho thuê kho bãi.

Tiếp tục chú trọng đầu tư phát triển đội ngũ - con người cho các nhiệm vụ ngày càng cao hơn.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Huỳnh Quang	Chủ tịch	307,526	3.24%
2	Ông Trần Lê Dũng	Phó chủ tịch	1,432,879	15.08%
3	Ông Phan Ngọc Anh	Phó chủ tịch	478,036	5.03%
4	Bà Huỳnh Thị Kim Hoa	Thành viên	436,430	4.59%
5	Phạm Phúc Thương	Thành viên	-	0.00%
6	Mai Xuân Hiệt	Thành viên	22,974	0.24%
7	Phan Thanh Liêm	Thành viên, Tổng giám đốc	131,250	1.38%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban). Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Trần Huỳnh Quang	Chủ tịch	08	100%
2	Ông Trần Lê Dũng	Phó chủ tịch	08	100%
3	Ông Phan Ngọc Anh	Phó chủ tịch	08	100%
4	Bà Huỳnh Thị Kim Hoa	Thành viên	08	100%
5	Phạm Phúc Thương	Thành viên	07	87.5%

6	Mai Xuân Hiệt	Thành viên	08	100%
7	Phan Thanh Liêm	Thành viên, Tổng giám đốc	08	100%

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ- HĐQT	27/03/2024	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
2	02/2024/NQ- HĐQT	03/04/2024	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông là ngày 24/04/2024 và ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 là ngày 28/05/2024	100%
3	03/2024/NQ- HĐQT	22/05/2024	Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Vinaceglass	100%
4	04/2024/NQ- HĐQT	29/05/2024	Nhất trí việc miễn nhiệm ông Phan Ngọc Anh khỏi vị trí chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaceglass nhiệm kỳ 2022-2027 kể từ ngày 29/05/2024 Nhất trí việc bổ nhiệm ông Trần Huỳnh Quang làm chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaceglass nhiệm kỳ 2022-2027 kể từ ngày 29/05/2024 Nhất trí việc bổ nhiệm ông Phan Ngọc Anh làm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaceglass nhiệm kỳ 2022-2027 kể từ ngày 29/05/2024 Nhất trí việc bổ nhiệm ông Phan Thanh Liêm làm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vinaceglass nhiệm kỳ 2022-2027 kể từ ngày 29/05/2024	100%
5	05/2024/NQ- HĐQT	18/06/2024	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty: - Người đại diện theo pháp luật thứ nhất: Ông Trần Huỳnh Quang – Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật thứ hai: Ông Phan Thanh Liêm – Tổng giám đốc	100%
6	06/2024/NQ-	28/06/2024	Thông qua việc thực hiện vay tiền các thành viên	100%

	HDQT		Hội đồng quản trị, cán bộ công nhân viên Công ty và các cá nhân là người có liên quan của người nội bộ Thông qua việc ký hợp đồng vay vốn nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất Thông qua việc sử dụng số tiền vay kể trên vào mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty	
7	07/2024/NQ-HDQT	30/07/2024	Thông qua việc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong 6 tháng đầu năm 2024 Thông qua việc bổ nhiệm bà Trần Huỳnh Minh Châu giữ chức vụ Trợ lý Hội đồng quản trị Thông qua việc bổ nhiệm ông Trần Huỳnh Quang và bà Trần Huỳnh Minh Châu là người đại diện phần vốn góp 4.000.000 cổ phần chiếm 39,658% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vinaceglass tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung kể từ ngày 01/08/2024	100%
8	08/NQ-HDQT	18/12/2024	Thông qua việc đăng ký bổ sung một số mã ngành nghề kinh doanh: 4101, 4102, 4330, 4390 Thông qua việc ký kết hợp đồng có giá trị tương ứng với 60% tổng giá trị tài sản với Công ty Cổ phần Xây dựng Sơn Hà liên quan đến việc xây dựng khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở cao tầng	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Không có

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán
-----	------------	---------	--

1	Ông Trần Mạnh	Trưởng ban kiểm soát	15/06/2022
2	Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thành viên	15/06/2022
3	Bà Ngô Ngọc Lan	Thành viên	15/06/2022

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

STT	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Trần Mạnh	02	02/02	100%
2	Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	02	02/02	100%
3	Bà Ngô Ngọc Lan	02	02/02	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/ thu nhập 2024
1	Ông Trần Huỳnh Quang	Chủ tịch	348.500.000
2	Ông Trần Lê Dũng	Phó chủ tịch	224.000.000
3	Ông Phan Ngọc Anh	Phó chủ tịch	228.000.000
4	Bà Huỳnh Thị Kim Hoa	Thành viên	39.300.000
5	Phạm Phúc Thương	Thành viên	39.300.000
6	Mai Xuân Hiệt	Thành viên	39.300.000
7	Phan Thanh Liêm	Thành viên, Tổng giám đốc	321.000.000
8	Ông Trần Mạnh	Trưởng ban kiểm soát	8.400.000
9	Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thành viên	6.000.000
10	Bà Ngô Ngọc Lan	Thành viên	6.000.000
11	Bà Nguyễn Thị Thanh Phượng	Giám đốc điều hành	221.000.000
12	Bà Đào Nguyễn Minh Chi	Kế toán trưởng	206.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lưu Quang Hưng	Cổ đông lớn	470.000	4.95%	1.047.600	11.02%	Giao dịch thỏa thuận và khớp lệnh
2	Trần Huỳnh Quang	Chủ tịch HĐQT	107.526	1.13%	307.526	3.24%	Giao dịch thỏa thuận và khớp lệnh
3	Mai Xuân Hiệt	Thành viên HĐQT	222.974	2.35%	22.974	0.24%	Giao dịch thỏa thuận và khớp lệnh

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

STT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (VNĐ)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung	Trả cổ tức	800.000.000
		Trả cổ tức	800.000.000
		Trả cổ tức	800.000.000
2	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89	Trả cổ tức	840.000.000
3	Trần Lê Sơn	Trả lãi vay hằng tháng với lãi suất 8.5%/năm	450.000.000
4	Trần Huỳnh Quang	Trả lãi vay hằng tháng với lãi suất 8.5%/năm	100.000.000
5	Huỳnh Thị Kim Hoa	Trả lãi vay hằng tháng với lãi suất 8.5%/năm	3.000.000.000

6	Trần Huỳnh Minh Châu	Trả lãi vay hằng tháng với lãi suất 8.5%/năm	5.234.500.000
7	Nguyễn Thị Phương Loan	Trả lãi vay hằng tháng với lãi suất 8.5%/năm	100.000.000

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Vinaceglass đã cố gắng tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan tới quản trị công ty. Công ty được vận hành suôn sẻ; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của công ty nói chung và của các cổ đông nói riêng; tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, tận dụng được tối đa các nguồn lực trong công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ).

Nơi nhận:

-;
- Lưu: VT, ...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trần Huỳnh Quang